

Từ quan niệm công bằng của Mác nhìn nhận bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam hiện nay

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG SANG

Bất bình đẳng về thu nhập quá cao giữa các nhóm hộ gia đình, giữa các vùng miền có thể gây ra những tác động tiêu cực tới phát triển kinh tế, nghiêm trọng hơn có thể dẫn tới khủng hoảng và bất ổn xã hội. Chính vì vậy, tăng trưởng kinh tế và công bằng thu nhập luôn là mục tiêu hàng đầu mà các quốc gia mong muốn đạt được trong dài hạn. Trên thế giới, có rất nhiều nghiên cứu liên quan tới chủ đề bất bình đẳng về thu nhập cả ở khía cạnh lý thuyết và thực tế. Bài viết xuất phát từ quan niệm công bằng của Mác, trên cơ sở đó phân tích thực trạng tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam hiện nay và chỉ ra rằng: kể từ khi đổi mới, cùng với quá trình tăng trưởng kinh tế, bất bình đẳng về thu nhập được kiểm soát khá tốt, tuy nhiên, vẫn tồn tại khoảng cách giữa các nhóm thu nhập, đặc biệt là ở những vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng này là do sự khác biệt về vị trí địa lý, về cơ hội tiếp cận các dịch vụ công và tiếp cận thị trường.

Từ khóa: công bằng, bất bình đẳng, Việt Nam.

1. Quan niệm công bằng của Mác và các lý thuyết về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập

Quan niệm công bằng của Mác

Trong xã hội Hy Lạp, trước công nguyên, các nhà triết học như Arixtốt hay Platon đã đưa ra quan niệm về công bằng như sau: Arixtốt quan niệm công bằng là sự bình đẳng giữa những người có cùng địa vị xã hội, họ được xem xét quyền lợi một cách tương xứng trên cơ sở luật pháp. Điều này có nghĩa là những người không cùng địa vị xã hội thì không được hưởng quyền lợi như nhau (nô lệ không được hưởng quyền lợi như chủ nô), Arixtốt mặc nhiên chấp nhận một xã hội có giai cấp và sự phân biệt đối xử giữa chủ nô và nô lệ, theo ông không phải là bất công mà chính là công bằng¹. Platon cho rằng phải duy trì các dạng người khác nhau để đảm bảo các nhu cầu khác nhau của xã hội, mỗi người ở địa vị xã hội nào thì làm tròn trách nhiệm đúng với địa vị của mình. Theo ông, không có sự bình đẳng giữa những người không cùng giai cấp. Theo tác giả, Arixtốt và Platon đánh giá công bằng chỉ mới xuất phát từ việc mô

tả, nhìn nhận xã hội, nhận thức thế giới, mà chưa thấy rằng phải cải tạo thế giới, phải thay đổi thế giới, làm cho thế giới tốt đẹp lên giống như C.Mác đã làm được sau này.

Tiếp cận tư tưởng triết học của C.Mác, tác giả nhận thấy C.Mác có sự tiếp thu các quan điểm trước đó nhưng tiếp thu một cách có chọn lọc và xây dựng quan niệm mới về công bằng:

Về vấn đề bình đẳng, bất bình đẳng trong tư tưởng của C.Mác:

Thứ nhất, không có sự bình đẳng nếu xã hội vẫn còn có sự phân chia giai cấp. Việc phân chia giai cấp càng tạo điều kiện cho các địa chủ, tư bản tự cho mình được quyền thống trị, bóc lột, bạo lực đối với những người yếu thế (công nhân, nông dân, trẻ em, phụ nữ...).

Nguyễn Thị Phương Sang, ThS., Viện Triết học.

1. Dương Văn Thịnh (2008), Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công bằng xã hội và sự vận dụng ở Việt Nam hiện nay, trong *Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, tr.132.

Thứ hai, không có sự bình đẳng nếu tài sản mà tư bản nắm giữ không phải có được từ sức lao động (sản xuất) mà do giành được từ những việc làm bất chính, phi pháp và sẽ càng bất bình đẳng hơn khi thị trường bị chi phối bởi tư bản (người nắm giữ nhiều tài sản).

Thứ ba, không có được công bằng nếu để “công bằng” trở thành “công cụ” phân phối trong tay tư bản nhằm đưa lợi nhuận về cho họ, làm cho “người giàu giàu hơn, người nghèo nghèo hơn” bởi thực chất không thể có sự phân phối công bằng trong một xã hội bất công, bất bình đẳng; cần phải hiểu sự bất công không phải xuất phát từ sự phân phối mất cân bằng mà do sự phân chia giai cấp trong xã hội (điều mà Arixtođ đã không nhận ra).

Thứ tư, C.Mác ý thức rằng sự bình đẳng là không tuyệt đối, “mỗi cá nhân với tư cách là một tồn tại người bao giờ cũng có sự khác biệt với những người khác”², mỗi người lao động sinh ra không phải ai cũng có xuất phát điểm giống nhau về bẩm sinh, hoàn cảnh sống..., vì thế mà không phải ai cũng có được sự hưởng thụ ngang nhau.

Theo C.Mác, việc thay đổi thế giới là tất yếu để chấm dứt những bất công, bất bình đẳng. Tư tưởng của C.Mác thể hiện tính nhân văn sâu sắc, một tầm nhìn xuyên suốt và sự thật là C.Mác hoàn toàn đúng. Một xã hội có giai cấp chẳng qua là sự nguy hiểm của giai cấp thống trị, đưa ra để giải thích cho việc họ dùng quyền lực của mình để áp bức, bóc lột đối với những người nô lệ và những người yếu thế (trẻ em, phụ nữ). C.Mác không công nhận một sự phân biệt nào về giai cấp giữa những người lao động “bất cứ người nào cũng chỉ là một người lao động như người khác”³. Trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C.Mác và Ăngghen đã gay gắt phản đối việc trẻ em bị bóc lột sức lao động (bất cứ đâu, trong các nhà máy, hầm mỏ hay bán báo), việc phụ nữ bị phân biệt đối xử so với đàn ông, bị xem như các công cụ lao động để mua bán của giới tư sản, bị coi như nô lệ

(trong gia đình, các nhà máy, nông trại...); việc phân biệt màu da, chủng tộc. C.Mác và Ăngghen không chỉ vạch trần sự bất công, bất bình đẳng ấy mà còn chỉ ra con đường giải phóng phụ nữ, chấm dứt lao động trẻ em để đưa trẻ đến trường, chỉ ra con đường để giải quyết đối kháng giai cấp là giai cấp vô sản đứng lên đấu tranh, “tiêu diệt chế độ sản xuất cũ”, “tiêu diệt giai cấp nói chung” và “tiêu diệt cả sự thống trị của chính ngay giai cấp mình”, bởi xã hội mà C.Mác hướng tới là xã hội không còn sự đối kháng giai cấp mà là một đoàn thể, trong đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”⁴. Từ cách nhìn nhận đó về bình đẳng, bất bình đẳng và ước muốn thay đổi thế giới mà C.Mác đã đưa ra quan niệm về công bằng. C.Mác cho rằng, trong chủ nghĩa xã hội, công bằng xã hội thể hiện ở nguyên tắc phân phối theo lao động: mọi người bình đẳng với nhau trong quan hệ sở hữu với tư liệu sản xuất, việc phân phối sản phẩm chỉ còn phụ thuộc vào mức đóng góp của họ về năng suất lao động và chất lượng lao động. C.Mác đưa ra quan điểm: “cùng một lượng lao động mà anh ta đã cung cấp cho xã hội dưới một hình thức này thì anh ta lại nhận trở lại của xã hội dưới một hình thức khác”⁵. Tuy nhiên, không phải tất cả những người lao động trong xã hội đều có khả năng như nhau, nguyên tắc này chưa thể triệt tiêu được bất bình đẳng trong xã hội, đó là một thiếu sót của nguyên tắc phân phối theo lao động mà theo C.Mác là không thể tránh khỏi; điều này càng chứng minh C.Mác xây dựng một lý thuyết công bằng không hề xa rời thực tiễn.

2. Nguyễn Thị Lan Hương (2017), Về một số nguyên tắc phân phối hiện đại trong sự so sánh với quan niệm về công bằng phân phối của C.Mác, trong kỷ yếu hội thảo “Tư tưởng của C.Mác về công bằng phân phối và ý nghĩa hiện thời của nó”, tr.259.

3. C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, T.19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.35

4. C.Mác và Ph.Ăngghen, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1958, tr.55

5. C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, t.19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.34

Theo quan điểm của C.Mác, khi xây dựng nguyên tắc phân phối theo lao động cho thấy, trong chủ nghĩa xã hội vẫn chưa thể thực hiện được bình đẳng xã hội ngay cả khi công bằng xã hội đã được thực hiện. Mặt khác, nguyên tắc phân phối theo lao động trong chủ nghĩa xã hội vẫn còn hạn chế so với giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản, giai đoạn mà của cải xã hội đã dư thừa và mọi người có thể "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu". Chính vì vậy mà quan niệm công bằng của C.Mác vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại hôm nay và sẽ vẫn còn tính thực tiễn chừng nào mà chủ nghĩa xã hội chưa đạt đến trình độ cao của chủ nghĩa cộng sản. Điều này cũng có nghĩa, đối với Việt Nam chúng ta, chưa thể thực hiện được bình đẳng xã hội, nhưng công bằng xã hội thì hoàn toàn có thể thực hiện được và chúng ta phải luôn đặt mục tiêu công bằng xã hội lên hàng đầu trong quá trình phát triển.

Một số lý thuyết về quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập trên thế giới:

- *Lý thuyết của Arthur Lewis (1954)*

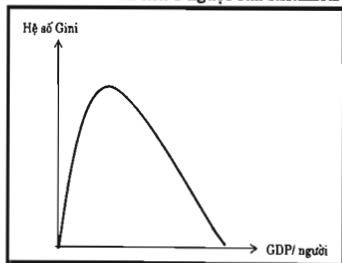
Theo Lewis, tăng trưởng kinh tế trước, sau đó kéo theo hệ lụy là bất bình đẳng thu nhập, mặt khác bất bình đẳng thu nhập cũng là điều kiện cần thiết cho tăng trưởng kinh tế. Bắt nguồn từ thực tế là dư thừa lao động trong nông nghiệp và lợi nhuận trong khu vực này có xu hướng giảm, Arthur Lewis cho rằng cần lôi kéo lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp với mức lương phù hợp với mức lương trước đó của họ. Tuy vậy, mức lương của những lao động từ nông nghiệp mới chuyển sang không thể cao bằng các công nhân đang làm trong ngành công nghiệp, điều này cũng giúp các nhà tư bản công nghiệp có thêm thặng dư từ chênh lệch tiền công. Khu vực công nghiệp tiếp tục đầu tư và tích lũy, nền kinh tế nhờ đó mà tiếp tục tăng trưởng, sự bất bình đẳng giữa hai khu vực ngày càng tăng. Song song với tăng trưởng kinh tế là tình trạng thiếu hụt lao động ở khu vực công nghiệp do không thể

chuyển hết lao động từ nông nghiệp sang, tất yếu các nhà tư bản công nghiệp phải tăng tiền công cho người lao động. Lúc này nền kinh tế cần phải được đầu tư cho nông nghiệp và cả công nghiệp, tăng năng suất lao động, giảm cầu về lao động ở khu vực công nghiệp. Kết quả, dù có di chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp cũng không làm giảm tổng sản phẩm nông nghiệp. Cả hai khu vực nông nghiệp và công nghiệp cùng phát triển, nền kinh tế vì thế tiếp tục tăng trưởng, bất bình đẳng giảm đi.

Mô hình chữ U ngược của Simon Kuznets (1955)

Thông qua phân tích số liệu của các nước có thu nhập giàu nghèo khác nhau trong nhiều năm, S.Kuznets đã cho rằng, mối quan hệ giữa thu nhập bình quân đầu người và bất bình đẳng trong phân phối thu nhập có hình chữ U ngược.

HÌNH 1: Mô hình chữ U ngược của S.Kuznets



Tại một quốc gia nghèo, ban đầu mức độ bất bình đẳng trong thu nhập thấp, khi nền kinh tế tăng trưởng cao hơn, thu nhập bình quân đầu người tăng lên kéo theo bất bình đẳng thu nhập cũng tăng lên và đạt cực đại ở mức tăng trưởng ổn định của nền kinh tế. Sau đó, dù nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người tiếp tục tăng nhưng bất bình đẳng thu nhập sẽ giảm dần.

Tuy nhiên cho đến nay mô hình chữ U ngược của Kuznets chưa giải thích được nguyên nhân nào tạo ra sự bất bình đẳng,

liệu bất bình đẳng thu nhập có phải lúc nào cũng tăng cùng sự tăng trưởng của nền kinh tế và liệu có thể kiểm soát được bất bình đẳng thu nhập trong quá trình tăng trưởng kinh tế hay không?

- *Lý thuyết của Harry T. Oshima*

Nhà kinh tế học người Nhật Harry T. Oshima nổi tiếng với tác phẩm "Tăng trưởng kinh tế ở các nước Châu Á gió mùa" (Economic Growth in Monsoon Asia: A Comparative Survey), 1987. Trong tác phẩm này, Oshima đã chỉ ra nền nông nghiệp lúa nước vẫn thiếu lao động trong thời gian cao điểm của mùa vụ và chỉ thừa lao động trong mùa nhàn rỗi. Theo ông: có thể hạn chế sự bất bình đẳng ngay từ giai đoạn đầu của tăng trưởng kinh tế, bằng cách tập trung cải thiện thu nhập ở khu vực nông nghiệp, tăng mở rộng phát triển ngành nghề trong những ngày nhàn rỗi. Tiến hành công nghiệp hóa nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng vật chất (điện, nước, giao thông, thông tin liên lạc), phát triển công nghiệp chế biến và cơ sở hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa) cho nông thôn. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, thay thế lao động thủ công bằng lao động máy móc năng suất lao động cao..., tạo cơ hội mở rộng thị trường và khoảng cách thu nhập giữa nông thôn và thành thị dần dần được cải thiện. Khi đó tăng trưởng kinh tế sẽ đi đôi với công bằng xã hội.

- *Mô hình phân phối lại cùng với tăng trưởng kinh tế của World Bank*

Trong tác phẩm nghiên cứu "Redistribution with growth" (Tái phân phối với tăng trưởng) năm 1979, nhóm tác giả đã xem xét việc xây dựng các chính sách phân phối lại thu nhập ở các nước đang phát triển có tăng trưởng kinh tế. Trong giai đoạn đầu của phát triển kinh tế, thu nhập có xu hướng tập trung ở một số lĩnh vực của nền kinh tế và ít tác động đến các nhóm nghèo. Người nghèo thường ít được chia sẻ công bằng từ tăng trưởng chung do thiếu vốn và thiếu cơ hội tiếp cận. Việc định hướng lại chính sách

phát triển sẽ giúp cân đối lại tăng trưởng thu nhập của các nhóm hộ khác nhau cũng như phân phối lợi ích từ tăng trưởng kinh tế trong tính toán tổng thu nhập quốc nội (GNP). Phạm vi của các chính sách can thiệp này cần phải xem xét trong bối cảnh kinh tế và những ràng buộc về chính trị. Phân phối lại thu nhập bao gồm chính sách phân phối lại tài sản và chính sách phân phối lại từ tăng trưởng.

Có thể thấy rằng, các lý thuyết đã đề cập ở trên đại diện cho 3 mô hình: "tăng trưởng đi kèm với bất bình đẳng", "tăng trưởng trước bất bình đẳng sau" và "tăng trưởng đi đôi với bình đẳng". Trong 3 mô hình đó thì "tăng trưởng đi đôi với bình đẳng" là khả thi nhất và giúp mọi người không bị bỏ lại phía sau từ tăng trưởng kinh tế; mô hình này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu tăng trưởng toàn diện (inclusive growth) mà Việt Nam đang lựa chọn. Trên thực tế bất bình đẳng thu nhập không những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế mà còn gây ra bất ổn định chính trị và xã hội.

2. Kinh nghiệm thực tiễn về quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng thu nhập ở một số quốc gia trên thế giới

- *Braxin* là quốc gia thất bại trong thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế đi đôi với công bằng thu nhập. Tại sao lại như vậy? Có thể nói *Braxin* là ví dụ điển hình cho sự đánh đổi quá lớn khi tăng trưởng kinh tế thần tốc, chấp nhận kéo theo bất bình đẳng thu nhập. Kết quả bất bình đẳng vẫn ở mức cao kể cả khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại.

Theo Ngân hàng Thế giới, trong giai đoạn 1968-1980, nền kinh tế *Braxin* tăng trưởng vượt bậc nhờ những chính sách khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước, định kỳ giảm giá đồng nội tệ. Sau giai đoạn này, tăng trưởng kinh tế bắt đầu chững lại, tốc độ tăng trưởng hàng năm chỉ đạt 2,57% trong giai đoạn 1981-2013, thậm chí có những năm tăng trưởng âm. Song song với tăng trưởng kinh tế là bất bình đẳng thu

nhập xếp vào nhóm đầu thế giới, hệ số Gini tăng liên tục qua các thập niên 60; 70; 80 và 90 lần lượt là 0,50; 0,56; 0,59 và 0,63. Hệ số Gini bắt đầu có dấu hiệu giảm từ năm 2000 nhưng vẫn ở mức cao 0,53 (năm 2012).

- Mỹ là một trong những quốc gia tư bản có nền kinh tế mạnh nhất thế giới nhưng Mỹ vẫn là quốc gia tồn tại bất bình đẳng giữa các nhóm thu nhập. Nhà triết học người Mỹ Allen William Wood đã từng khẳng định: "Phần lớn mọi người đều cho rằng Mỹ là quốc gia giàu có nhất trên thế giới, nhưng đó cũng là quốc gia bất bình đẳng nhất trên thế giới: 400 người giàu nhất nước Mỹ sở hữu khối lượng tài sản cao hơn tổng số tài sản của 150 triệu người nghèo nhất. Những người giàu nhất chiếm 1% dân số nhưng lại sở hữu hơn 1/3 tổng lượng tài sản của toàn xã hội, vượt quá tổng lượng tài sản của những người có thu nhập thấp nhất nước Mỹ - đối tượng chiếm tới 95% dân số"⁶.

- Na Uy là đất nước được đánh giá là phát triển và bình đẳng thu nhập nhất hành tinh: năm 2016, Na Uy có hơn 5,3 triệu dân với GDP bình quân đầu người đứng thứ 6 thế giới, ước tính khoảng 70.812 USD. Bên cạnh đó quốc gia này rất bình đẳng về giới tính, tiền lương và xã hội. Điều này khiến tất cả mọi người đoàn kết, cùng làm việc và cống hiến vì mục đích tập thể. Na Uy và các nước Bắc Âu nói chung được ca ngợi là các quốc gia hạnh phúc nhất thế giới. Tài sản phối thu nhập lấy từ người giàu (thông qua mức thu thuế cao) cho người nghèo, người dân thật sự hài lòng vì những gì họ nhận được từ các khoản thuế. Theo Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), tính đến năm 2014⁷, về tổng thu thuế theo tỷ lệ % GDP và tính trên đầu người, Na Uy đứng ở vị trí thứ 2 trên 35 quốc gia (37.682 USD), Đan Mạch đứng ở vị trí thứ 3 (30.630 USD) và Ai Len đứng ở vị trí thứ 9 (20.418 USD).

3. Thực trạng tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam hiện nay

Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu lớn về tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo, góp phần đảm bảo công bằng xã hội. Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Thế giới, giai đoạn đầu đổi mới (1986-1990) tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm tuy chỉ đạt 4,7% nhưng các giai đoạn sau Việt Nam đã nhanh chóng có mức tăng trưởng vượt trội, cụ thể: giai đoạn (1991-1995) tăng trưởng GDP bình quân hàng năm tăng 8,2%, giai đoạn (1996-2000) tăng 6,9%/năm, giai đoạn (2001-2005) tăng 6,8%/năm, giai đoạn (2006-2010) dù gặp khủng hoảng kinh tế thế giới nhưng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm vẫn đạt 6,3% và 5,9% giai đoạn (2011-2015).

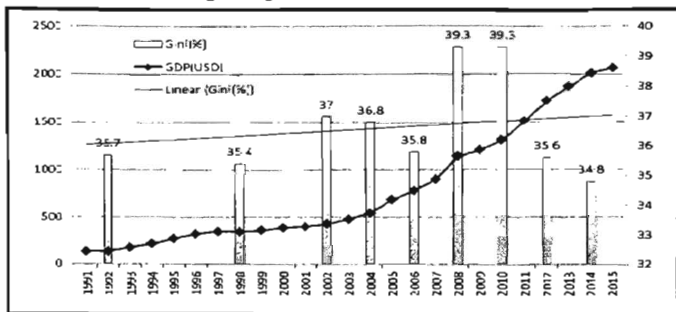
Dù tăng trưởng kinh tế cao nhưng Việt Nam vẫn đảm bảo và duy trì khá tốt về khoảng cách thu nhập giữa các nhóm thu nhập. Thu nhập bình quân đầu người tăng và số người nghèo giảm đáng kể từ 58,1% năm 1993 xuống còn 13,4% năm 2008 và chỉ còn 7% năm 2015. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới: "Tại Việt Nam, từ năm 1993 đến năm 2012, thu nhập bình quân của nhóm 40% có thu nhập thấp nhất tăng 9% mỗi năm. Đây là một trong các tỷ lệ tăng cao nhất về thu nhập của nhóm 40% có thu nhập thấp nhất trên thế giới"⁸. Nếu so sánh giữa mức độ tăng trưởng kinh tế thì bất bình đẳng thu nhập chỉ tăng ở mức khiêm tốn, điều này không đúng với lý thuyết của Simon Kuznets, Việt Nam vẫn đảm bảo bình đẳng thu nhập trong quá trình tăng trưởng kinh tế. Hình 2 cho thấy xu hướng tăng của chỉ số Gini không biến thiên cùng chiều với xu hướng tăng của GDP.

6. Nguyễn Xuân Thắng, Giá trị tư tưởng, lý luận và sức sống của chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay. Báo Nhân dân 04-05-2018.

7. <https://www.cnbc.com/2017/08/09/the-happiest-countries-in-the-world-also-pay-a-lot-in-taxes.html>.

8. Ngân hàng Thế giới (2014), Các phát hiện chính của báo cáo Điểm lại: Trọng tâm đặc biệt về bất bình đẳng ở Việt Nam. 7-2014.

HÌNH 2: Chỉ số Gini và tăng trưởng GDP



Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2018).

Có được kết quả như vậy là nhờ có nhận thức đúng đắn của Đảng về việc tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển, thấm nhuần tư tưởng Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng, nhằm định hướng phát triển đất nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Những chính sách tích cực góp phần quan trọng giúp giảm bất bình đẳng trong thời gian vừa qua như: chính sách giảm nghèo; chính sách chi tiêu của Chính phủ (đầu tư, thuế); chính sách cho người lao động... đã góp phần quan trọng trong quá trình này.

- **Chính sách giảm nghèo:** Chính phủ luôn coi xóa đói, giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm nhằm phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo công bằng. Chương trình 134⁹, 135¹⁰ kết hợp với các chính sách giảm nghèo khác đã mang lại những kết quả tích cực trong công cuộc giảm nghèo. Kết quả năm 2015¹¹, bố trí 13.500 tỷ đồng để mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo; bố trí gần 7.000 tỷ đồng để thực hiện chính sách miễn giảm học phí cho học sinh nghèo; bố trí 950 tỷ đồng hỗ trợ nước sinh hoạt cho trên 43 nghìn hộ, hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất cho trên 11 nghìn hộ, hỗ trợ chuyển đổi nghề, mua sắm máy móc

nông cụ cho trên 7 nghìn hộ; bố trí 547 tỷ đồng để hỗ trợ người nghèo tham gia đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, bố trí 200 tỷ đồng để thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở phòng tránh bão lụt ở 14 tỉnh miền Trung; cho vay với lãi suất ưu đãi với tổng dư nợ 140.780 tỷ đồng, trong đó cho vay hộ nghèo chiếm 25,9%, hộ cận nghèo 19,3%, học sinh, sinh viên 17,5%, hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn 10,9%, nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn 14,1%; hộ mới thoát nghèo chiếm 2% tổng dư nợ; bố trí 1.900 tỷ đồng để hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội...

- **Hệ thống chính sách thuế** của Việt Nam được xây dựng theo nguyên tắc đảm bảo công bằng trong phân phối thu nhập, đánh thuế dựa trên khả năng của người nộp thuế. Nguyên tắc công bằng theo chiều ngang được

9. Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

10. Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

11. Đào Quang Vinh (2017), An sinh xã hội ở Việt Nam: những thành tựu, thách thức và định hướng phát triển. Viện Khoa học lao động và xã hội. Trang web: <http://fissa.org.vn/vi/news/an-sinh-xa-hoi-o-viet-nam-nhung-thanh-tuu-thach-thuc-va-dinh-huong-phat-trien-208>, truy cập ngày 25-8-2018.

thể hiện trong các quy định về thuế thu nhập cá nhân, quy định về mức giảm trừ hàng tháng cho cá nhân và người phụ thuộc năm 2009 là 4 triệu đồng/người cho cá nhân nộp thuế, 1,6 triệu đồng/người cho người phụ thuộc; từ năm 2013 cho đến nay đã điều chỉnh tăng lên 9 triệu đồng/người cho cá nhân nộp thuế và 3,6 triệu đồng/người cho người phụ thuộc. Nguyên tắc công bằng theo chiều dọc thể hiện qua biểu suất thuế thu nhập các nhân lũy tiến từng phần với mức thuế suất từ 5% đến 35%. Quy định về mức thuế suất thuế giá trị gia tăng cũng cho thấy chính sách đánh thuế vì mục tiêu công bằng; thuế suất 5% cho nhóm hàng hóa dịch vụ thiết yếu (đôi tượng tiêu dùng chủ yếu có nhóm thu nhập thấp) và thuế suất 10% cho hàng hóa dịch vụ thông thường. Quy định về thuế tài sản, đánh thuế cao hơn với đôi tượng sử dụng đất phi nông nghiệp và giảm gánh nặng thuế cho đôi tượng sử dụng đất nông nghiệp.

- *Chính sách cho người lao động*: Luật Lao động (1994) quy định về việc thỏa thuận lương bổng giữa người sử dụng lao động và người lao động tại Khoản 1, Điều 7, Chương I, theo đó, "Người lao động được trả lương trên cơ sở thỏa thuận với người sử dụng lao động nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định và theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc". Ở khu vực công, tiền lương được cải thiện theo lộ trình tăng mức lương tối thiểu (từ 210.000 đồng năm 2003 lên 1.390.000 đồng từ tháng 7 năm 2018); ở khu vực doanh nghiệp, họ được quyết định chính sách tiền lương theo nguyên tắc chung, đảm bảo quyền lợi của người lao động, phù hợp với kết quả làm việc và khả năng của doanh nghiệp và điều kiện kinh tế xã hội.

Những tồn tại, hạn chế

Mặc dù Việt Nam đã thành công trong việc kiểm soát bất bình đẳng thu nhập trong quá trình phát triển kinh tế, nhưng việc dựa vào chỉ số Gini và GDP để đánh giá xu hướng tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng chỉ mang tính tương đối. Trên thực tế cho thấy,

những năm gần đây hệ số Gini có xu hướng tăng (tuy không lớn) cùng với đó là khoảng cách thu nhập giữa nhóm thu nhập thấp nhất và nhóm thu nhập cao nhất ngày một tăng; năm 2004 mức chênh lệch giữa 2 nhóm là 8,3 lần và đến năm 2014 là 9,7 lần. Theo Ngân hàng Thế giới, Việt Nam ước tính có 110 người siêu giàu năm 2013¹², tăng 3 lần so với mức 34 người siêu giàu năm 2003, những thông tin này cho thấy bất bình đẳng thu nhập vẫn đang tăng lên.

Bất bình đẳng thu nhập theo chiều ngang là một thách thức với Việt Nam, là rào cản lớn trong công cuộc xóa đói giảm nghèo và giảm bất bình đẳng. Năm 2016¹³ chênh lệch thu nhập giữa nhóm thấp nhất và nhóm thu nhập cao nhất tăng lên: ở Tây Nguyên 9,4 lần; trung du và miền núi phía Bắc 8,8 lần; đồng bằng Sông Hồng, đồng bằng Sông Cửu Long 7,8 lần; Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 7,9 lần; Đông Nam Bộ 6,8 lần. Mặt khác, tỷ lệ nghèo đang có xu hướng ngày càng giãn rộng do vẫn còn chênh lệch lớn giữa người Kinh/Hoa và dân tộc thiểu số; người nghèo chủ yếu tập trung chủ yếu ở vùng sâu vùng xa, vùng nông thôn và dân tộc thiểu số. Đường như có mối liên hệ chặt chẽ giữa các yếu tố dân tộc, địa hình và nghèo đói khi mà người dân tộc thiểu số tập trung nhiều ở miền núi, còn người Kinh chiếm khoảng 85% dân số và người Hoa thường cùng có xu hướng sống ở các vùng đồng bằng; người nghèo là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ rất cao so với số ít người nghèo là người Kinh/Hoa, cụ thể¹³: năm 2004, người Kinh/Hoa là 14,3% trong khi đó người dân tộc thiểu số là 49%, năm 2012 người Kinh/Hoa giảm xuống chỉ 6,6% trong khi đó người dân tộc thiểu số vẫn ở mức cao là 42,9%. Tính đến năm 2016, tỷ lệ nghèo đang có xu hướng giảm, tuy nhiên tỷ lệ này vẫn đang có sự chênh lệch lớn giữa các vùng, tỷ lệ nghèo lớn ở các vùng: Trung du và miền núi phía Bắc,

12. Ngân hàng Thế giới (2014). Các phát hiện chính của báo cáo Điểm lại: Trọng tâm đặc biệt về bất bình đẳng ở Việt Nam.

13. Tổng cục Thống kê.

Tủi quan niệm công bằng ...

Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung (bảng 1).

BẢNG 1: Tỷ lệ nghèo theo vùng (%)

	1998	2002	2004	2006	2008	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Cả nước	37,4	28,9	18,1	15,5	13,4	14,2	12,6	11,1	9,8	8,4	7,0	5,8
Thành thị	9,0	6,6	8,8	7,7	6,7	6,9	5,1	3,9	3,7	3,0	2,5	2,0
Nông thôn	44,9	35,6	21,2	18	16,1	17,4	15,9	14,4	12,7	10,8	9,2	7,5
Đồng bằng sông Hồng	30,7	21,5	14,1	10	8,6	8,3	7,1	6,1	4,9	4,0	3,2	2,4
Trung du và miền núi phía Bắc	64,5	47,9	30,2	27,5	25,1	29,4	26,7	24,2	21,9	18,4	16,0	13,8
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	42,5	35,7	25,7	22,2	19,2	20,4	18,5	16,7	14,0	11,8	9,8	8,0
Tây Nguyên	52,4	51,8	26,1	24	21	22,2	20,3	18,6	16,2	13,8	11,3	9,1
Đông Nam Bộ	7,6	8,2	3,2	3,1	2,5	2,3	1,7	1,4	1,1	1,0	0,7	0,6
Đồng bằng sông Cửu Long	36,9	23,4	14,4	13	11,4	12,6	11,6	10,6	9,2	7,9	6,5	5,2

Nguồn: Điều tra mức sống hộ gia đình, Tổng cục Thống kê.

Những tồn tại, hạn chế trong việc giảm bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam trong thời gian qua là do nhiều nguyên nhân:

Nguyên nhân khách quan

- *Vị trí địa lý:* yếu tố vùng miền vốn dĩ đã tạo ra bất bình đẳng do cơ hội tiếp cận việc làm, tiếp cận các dịch vụ công (y tế, giáo dục) đã khác nhau dẫn tới bất bình đẳng về thu nhập. Khoảng cách về địa lý và trình độ phát triển của các địa phương (tỉnh/huyện/xã) dẫn tới cơ hội tiếp cận khác nhau.

- *Cơ hội tiếp cận giáo dục/y tế:* cơ hội tiếp cận giáo dục của trẻ em nghèo và trẻ em dân tộc thiểu số là thấp hơn trong xã hội. Những thiệt thòi về tiếng nói, kinh tế gia đình, khoảng cách địa lý ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tiếp cận giáo trình, chương trình học và giao thông tới trường; nhiều trẻ em nghèo đã phải bỏ học giữa chừng, thậm chí không đi học để đi làm mưu sinh, phụ giúp bố mẹ. Mặt khác, thu nhập của cha mẹ là điều kiện quan trọng cho kinh phí giáo dục của mỗi gia đình và tác động lớn đến bất bình đẳng cơ hội và bất bình đẳng cơ hội lại

tác động đến bất bình đẳng thu nhập. Tỷ lệ sử dụng bảo hiểm y tế của người nghèo ở các địa bàn khó khăn còn hạn chế, phần lớn trạm xá chưa đạt chuẩn quốc gia, thiếu đội ngũ y bác sỹ chuyên môn cao, cơ sở vật chất còn yếu kém, giao thông đi lại khó khăn khiến người dân khó tiếp cận với dịch vụ y tế.

- *Cơ hội tìm việc làm:* nhiều hộ gia đình có kinh tế khó khăn, đặc biệt là vùng nông thôn luôn hi vọng con cái của mình sẽ có cơ hội "thoát nghèo" so với cha mẹ nếu có sự đầu tư cho giáo dục; tuy nhiên cơ hội việc làm sau này của con không phải lúc nào cũng như mong đợi. Điều này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chất lượng giáo dục, đào tạo hay tiêu cực trong tuyển dụng, đặc biệt là khu vực công. Điều kiện kinh tế của gia đình, địa vị xã hội của cha mẹ hay các mối quan hệ quyết định rất lớn đến cơ hội việc làm của mỗi người. Điều này quyết định mức thu nhập của họ, gây ra bất bình đẳng thu nhập như hiện nay. Hầu hết người dân chấp nhận sự gia tăng bất bình đẳng thu nhập nếu chúng được tạo ra bởi những người đi lên bởi sự

chăm chỉ và tài năng, nhưng họ không chấp nhận sự gia tăng bất bình đẳng thu nhập được tạo ra bởi có sự phối của những người sử dụng quyền lực, tham nhũng. Một thực tế khác là người lao động ở thành thị có cơ hội tìm việc làm lớn hơn nông thôn, thậm chí còn có thể sắp xếp thời gian làm nhiều việc khác nhau. Điều này giải thích tỷ lệ người nghèo ở vùng nông thôn luôn cao hơn thành thị.

- *Cơ hội sản xuất, tiêu thụ sản phẩm*: mô hình sử dụng đất của các hộ gia đình chưa mang lại hiệu quả kinh tế. Những người nông dân sản xuất nhỏ khó có cơ hội vươn lên bằng việc chuyển sang trồng cây ăn quả hay cây công nghiệp. Điển hình hơn nữa là người dân tộc thiểu số, họ dùng phần lớn đất đai để sản xuất ngũ cốc mà chưa phát triển sản xuất cây lâu năm mang lại giá trị kinh tế như cà phê hay cao su. Xuất phát của thực trạng này là do trình độ học vấn thấp hạn chế quyết định lựa chọn cây trồng đòi hỏi kỹ năng chuyên môn; do năng lực tài chính thấp, họ chưa thể đầu tư trang thiết bị, máy móc, thuê lao động và do thiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính thức, hạn chế khả năng tiếp cận tài chính. Bên cạnh đó, người dân ở những vùng sâu cũng xa khó tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm, việc thu hồi vốn gặp nhiều khó khăn.

- *Suất đầu tư hạ tầng ở những vùng khó khăn rất cao nhưng thiên tai diễn ra thường xuyên dẫn tới các công trình thường xuyên bị phá hủy*. Trong bối cảnh nguồn ngân sách ngày càng khó khăn, bội chi ngân sách ngày càng tăng (bình quân trong giai đoạn giai đoạn 2006 – 2010¹⁴ là 2,2% GDP; giai đoạn 2011 - 2016 là 5,8% GDP), tổng nợ công của Việt Nam đã lên đến 63,7%¹⁵ GDP trong năm 2016 - cao hơn khoảng 15% so với năm 2010, việc thực thi các chính sách hỗ trợ đối với khu vực nghèo/vùng cao ngày càng gian nan hơn.

Nguyên nhân chủ quan

- *Từ phía Nhà nước*: chính sách xã hội vẫn khiến những người yếu thế chịu ảnh

hưởng, ví dụ: các loại thuế phí đã trở thành nỗi lo sợ đối với người nghèo, “xã hội hóa” dịch vụ công để giảm thâm hụt ngân sách; việc Nhà nước quyết định tăng viện phí thì những người dân chưa tham gia bảo hiểm y tế sẽ vô cùng ngại về mức viện phí và các dịch vụ thăm khám, trong số họ phần lớn là người nghèo và cận nghèo. Mặt khác, giá cả của các dịch vụ y tế vẫn còn cao so với khả năng của người nghèo; thái độ phục vụ người nghèo chưa tốt, nên một số người nghèo đã không dùng sổ hộ nghèo để khám chữa bệnh.

Chính sách hỗ trợ chưa hợp lý, chưa thực sự tốt do đào tạo nghề cho lao động chưa thực sự gắn với nhu cầu tại địa phương, nhu cầu của người lao động. Ví dụ, chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn (đề án 1956) chưa mang lại hiệu quả (lao động là người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề chỉ chiếm khoảng 3% so với tổng số lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động¹⁶), khoảng 80% người nghèo tham gia học nghề vẫn làm nghề cũ.

Chính sách tái định cư hiện nay mà Nhà nước đưa ra như một cuộc trao đổi nhằm thuận lợi trong việc thu hồi đất, nhưng do chậm đổi mới nên thực trạng tái định cư còn nhiều bất cập. Ở khu vực thành thị: nhà tái định cư chất lượng thấp, buồng lỏng quản lý các chung cư, thiếu hạ tầng xã hội như chợ, trường học; ở khu vực nông thôn và miền núi: nhà ở tái định tập trung kiểu khu đô thị chưa phù hợp với nếp sống và văn hóa của người dân, xa chỗ làm, nơi sản xuất, còn nhiều bất cập trong quy hoạch đất sản xuất, thiếu nguồn nước sinh hoạt, thiếu các công trình thiết yếu như trường học, bệnh viện khiến cho nhiều người dân nghèo hơn sau khi tái định cư.

14. Ngân hàng Thế giới. Điểm lại cập nhật tình hình phát triển kinh tế Việt Nam, tháng 7-2017.

15. Số liệu Bộ Tài chính.

16. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Báo cáo kết quả giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo, giai đoạn 2005 - 2012”, 5-2014.

- Từ phía người dân: do nhận thức và trình độ còn hạn chế, thêm vào đó là tâm lý ỷ lại (chờ đợi hỗ trợ từ Nhà nước) vẫn tồn tại, thiếu ý chí và nỗ lực vươn lên cũng đã khiến họ khó có thể thoát nghèo, chỉ khi người dân tự quyết định con đường thoát nghèo của mình, thì ngân sách Nhà nước mới được sử dụng hiệu quả trong công tác hỗ trợ giảm nghèo.

4. Kết luận

Có thể khẳng định Việt Nam đã thực hiện thành công 30 năm đổi mới, biến một đất nước nghèo đói và bị cô lập sau chiến tranh trở thành một quốc gia giàu mạnh hơn và tự tin hội nhập cùng thế giới. Để làm được điều đó chính nhờ vào sự sáng tạo và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin trong từng bước phát triển. Thực tế, bằng các chính sách tài khóa và các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo... cho thấy rằng tăng trưởng kinh tế đi đôi với bình đẳng là mô hình tối ưu nhất mà Việt Nam đã lựa chọn nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững. Kết quả, Việt Nam đã thành công trong công cuộc giảm nghèo, kiểm soát được bất bình đẳng thu nhập trong quá trình tăng trưởng kinh tế. Tuy vậy khoảng cách thu nhập giữa nhóm người giàu nhất và người nghèo nhất vẫn còn cao, đặc biệt ở các vùng miền núi, dân tộc, vùng sâu, vùng xa. Chính vì vậy, Chính phủ cần có sự quan tâm hơn nữa với thực trạng này, nỗ lực hơn cho các chính sách ở các lĩnh vực: hệ thống thuế, y tế và giáo dục dịch vụ công, lao động, việc làm... để những người nghèo, người yếu thế trong xã hội cùng đồng hành với chính phủ và những người khác trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước.

Như vậy, từ lý thuyết đến thực tiễn cho thấy, lựa chọn mô hình phát triển kinh tế là quyền của mỗi quốc gia và ở Việt Nam lựa chọn tăng trưởng kinh tế đi đôi với đảm bảo công bằng là rất đúng. Để làm được điều đó, cần có sự phối hợp và cố gắng từ phía Nhà nước và người dân, đặc biệt nhấn mạnh vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước là rất quan trọng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 19*, NXb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen (1958), *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, NXb Sự thật, Hà Nội.
3. Chenery, Hollis và cộng sự (1979), *Redistribution with growth* (English). New York, NY: Oxford University Press.
4. Vũ Cương, Phạm Văn Vận (2015), *Giáo trình Kinh tế công cộng*, NXb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
5. Phạm Văn Đức, Đặng Hữu Toàn, Trần Văn Đoàn, Ulrich Dornberg (2008), *Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội*, NXb Khoa học xã hội.
6. Kuznets, "Economic growth and income inequality" (1955), *American Economic Review*, 45(1), 1955.
7. Lewis, W.Arthur, "Economic development with unlimited supplies of labor" (1954), *Manchester school*, vol.22.
8. Ngân hàng Thế giới (2014), Các phát hiện chính của báo cáo điểm lại: Trọng tâm đặc biệt về bất bình đẳng ở Việt Nam.
9. Ngân hàng thế giới (2017), *Điểm lại cập nhật tình hình Phát triển Kinh tế Việt Nam*.
10. Harry T.Oshima (1987), *Economic Growth in Monsoon Asia: A Comparative Survey*.
11. Nguyễn Xuân Thắng (2018), "Giá trị tư tưởng, lý luận và sức sống của chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay", *báo Nhân dân* 04-05-2018.
12. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2014), Báo cáo kết quả giám sát "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo, giai đoạn 2005 - 2012".
13. Viện Triết học (2017), Friedrich-Ebert-Stiftung, Rosa-Luxemburg-Stiftung, *Tư tưởng của C.Mác về công bằng phân phối và ý nghĩa hiện thời của nó*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế.
14. Đào Quang Vinh, "An sinh xã hội ở Việt Nam: Những thành tựu, thách thức và định hướng phát triển", Viện Khoa học lao động và xã hội, Trang web: <http://ilssa.org.vn/vi/news/an-sinh-xa-hoi-o-viet-nam-nhung-thanh-tuu-thach-thuc-va-dinh-huong-phat-trien-208>, truy cập ngày 25-8-2018.
15. <https://www.cnn.com/2017/08/09/the-happiest-countries-in-the-world-also-pay-a-lot-in-taxes.html>.

Ngày nhận bài: 16-10-2018
Ngày nhận bản sửa: 15-01-2019
Ngày duyệt đăng: 15-02-2019